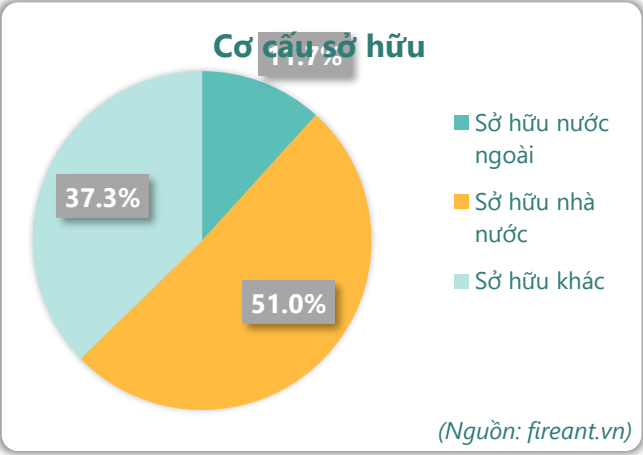


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ

Ngày 30/06/2025	77,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.8%	0.6%	5.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	66,290 - 80,444
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,100
Số lượng CPLH (CP)	40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,065
Sở hữu nước ngoài	11.7%
Beta	0.50
EPS	8,048
P/E	9.6



DT thuần Q2/25
148
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.0 -6.8%
YoY: ▼42.0 -22.0%

LN thuần Q2/25
84.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.90 4.8%
YoY: ▼1.40 -1.7%

LN sau thuế Q2/25
67.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.20 4.9%
YoY: ▼17.6 -20.7%

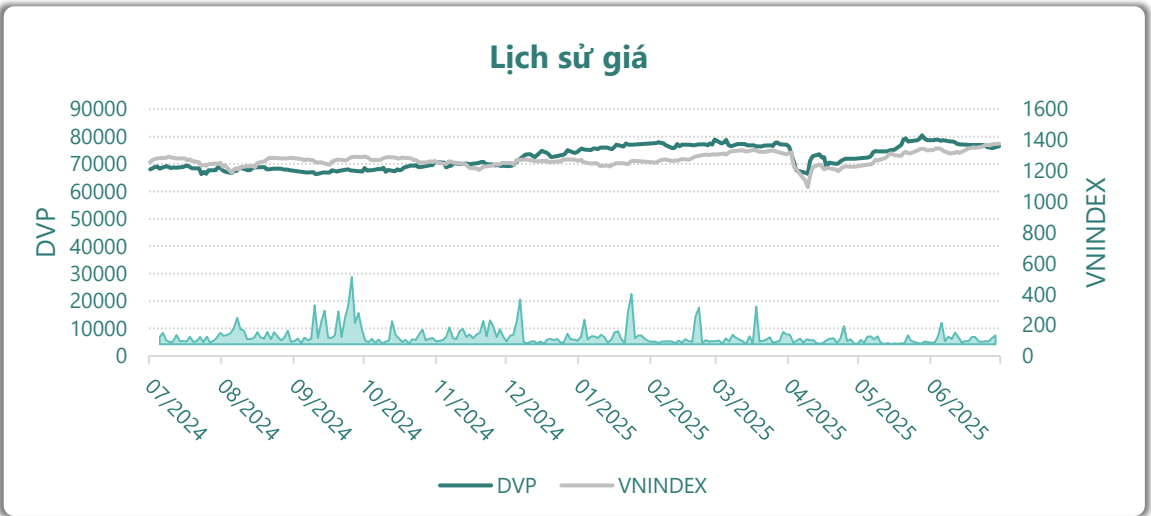
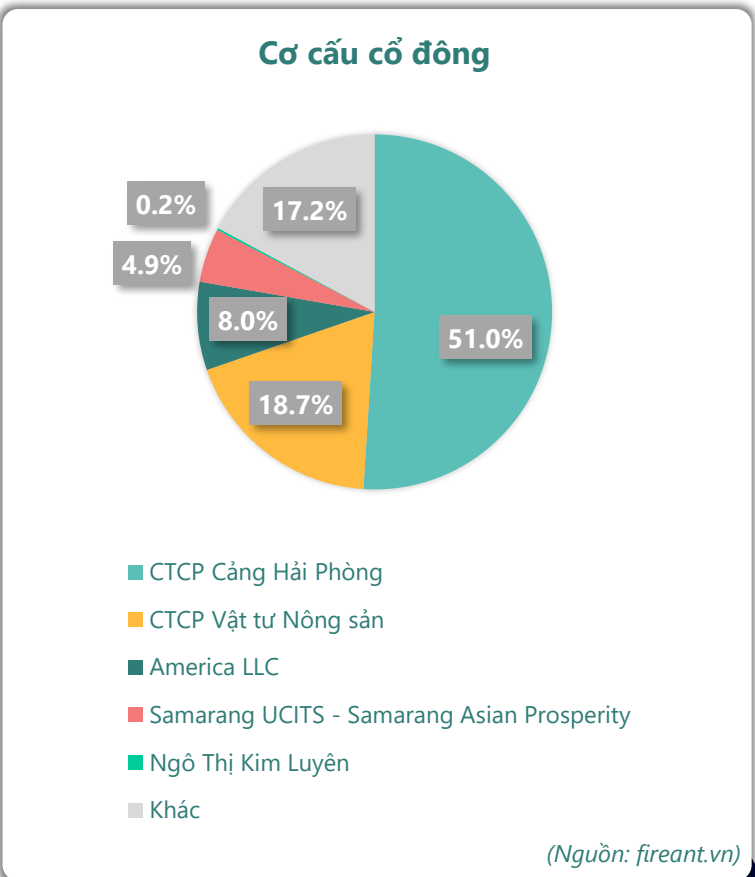
Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
56.9%
YoY: +/-▲ 6.1%

ROE (TTM) Q2/25
25.2%
YoY: +/-▲ 1.5%

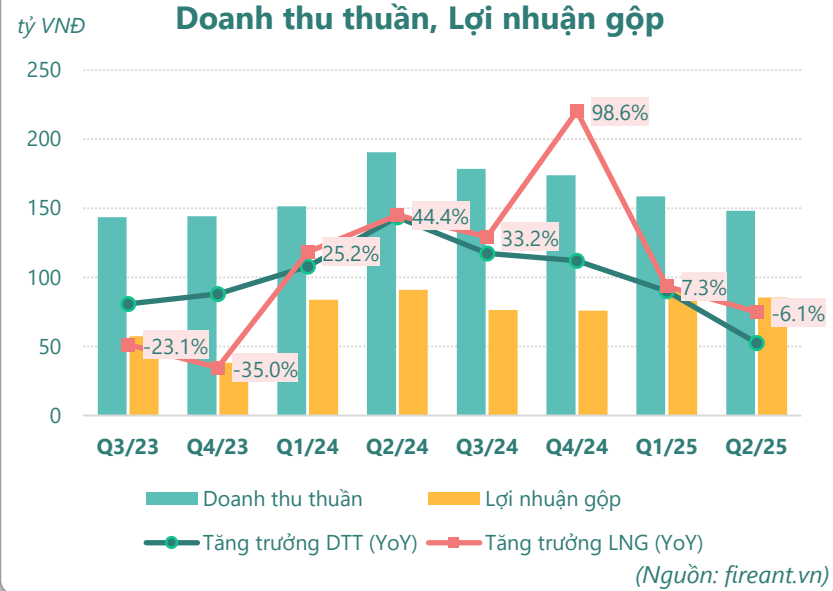
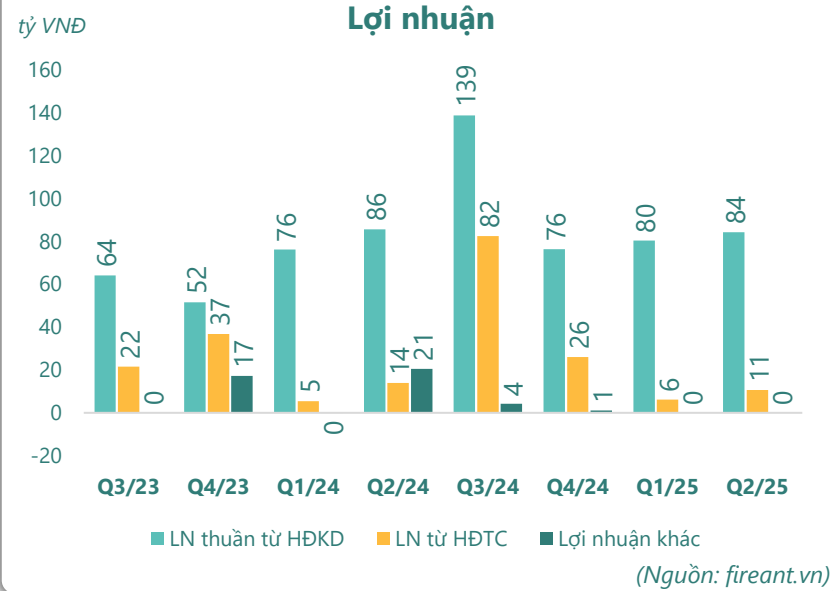
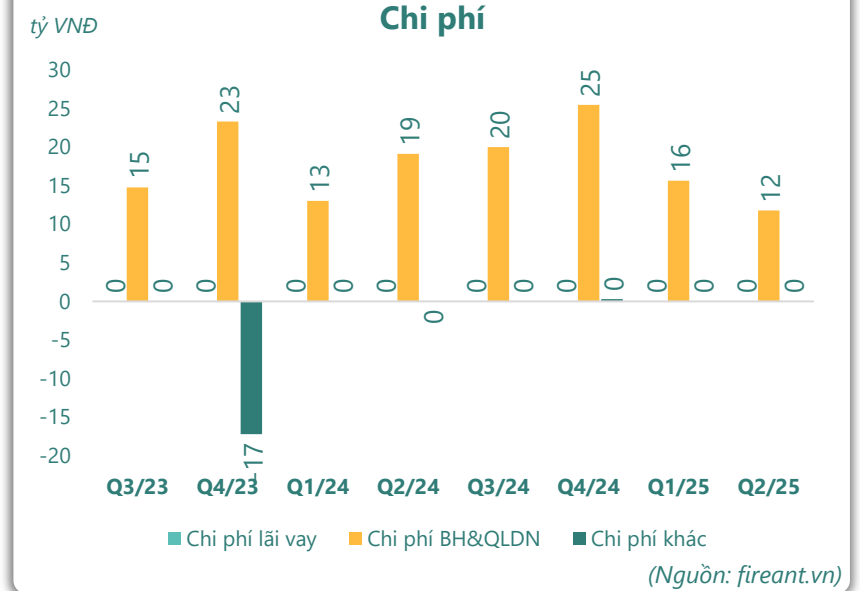
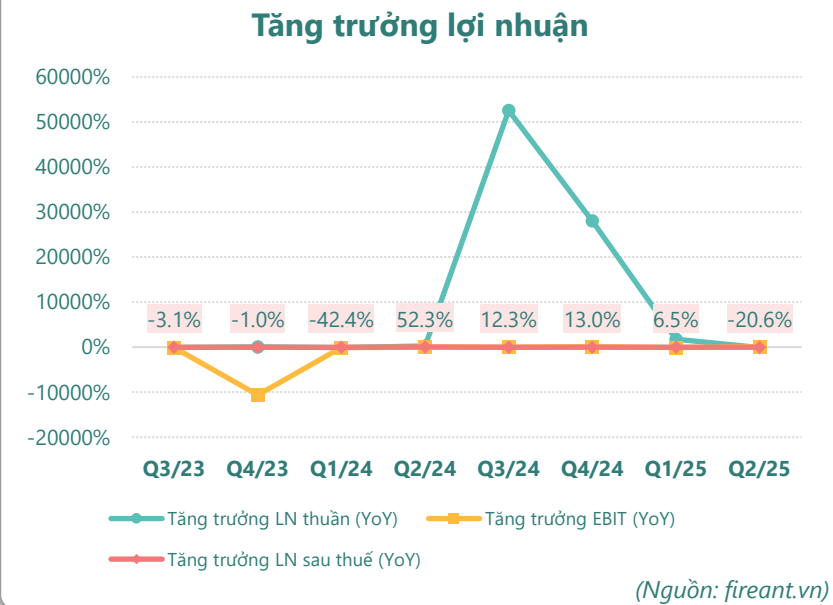
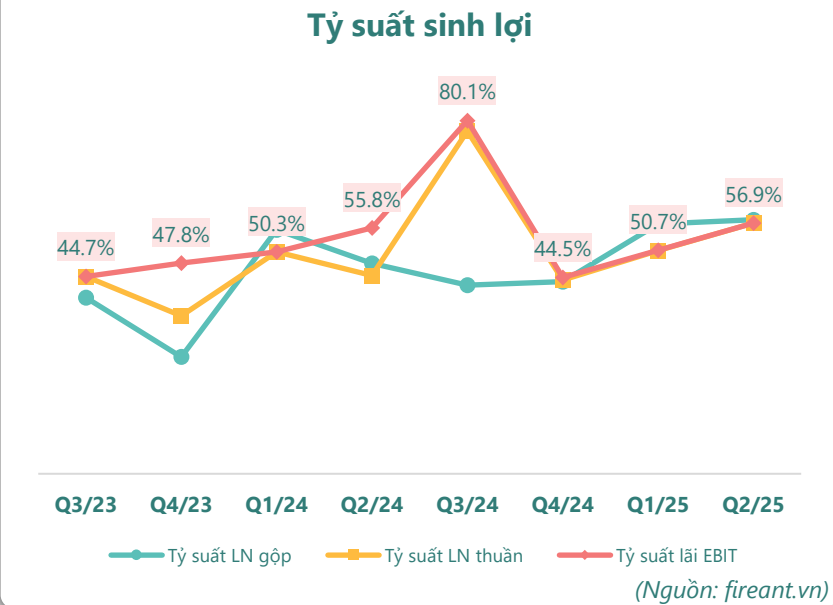
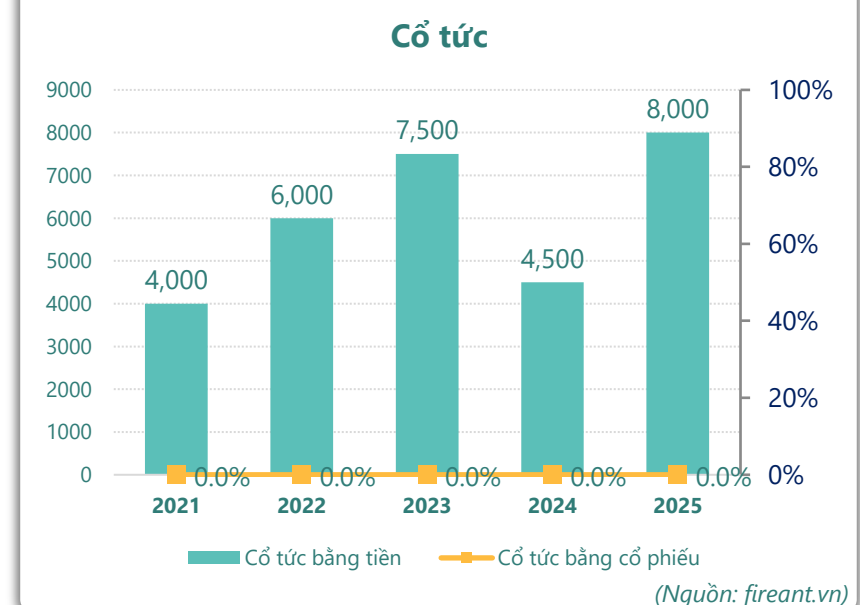
DT thuần 6T 2025
307
tỷ VNĐ
YoY: ▼35.0 -10.2%

LN thuần 6T 2025
165
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.00 1.7%

LN sau thuế 6T 2025
132
tỷ VNĐ
YoY: ▼14.0 -9.8%



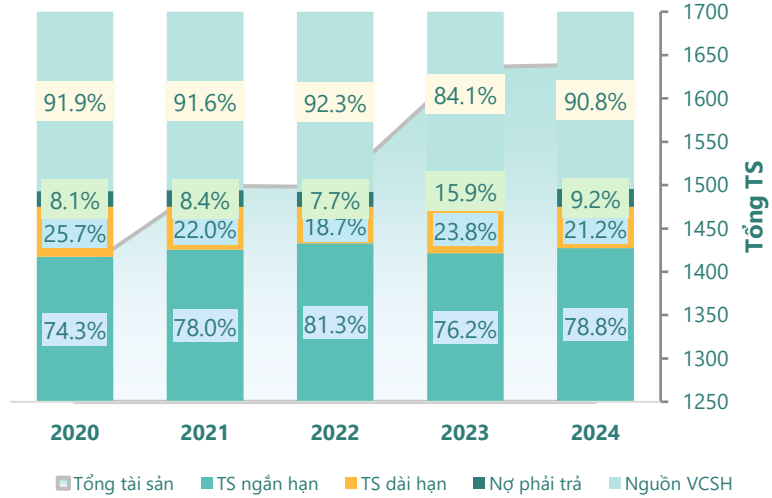
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

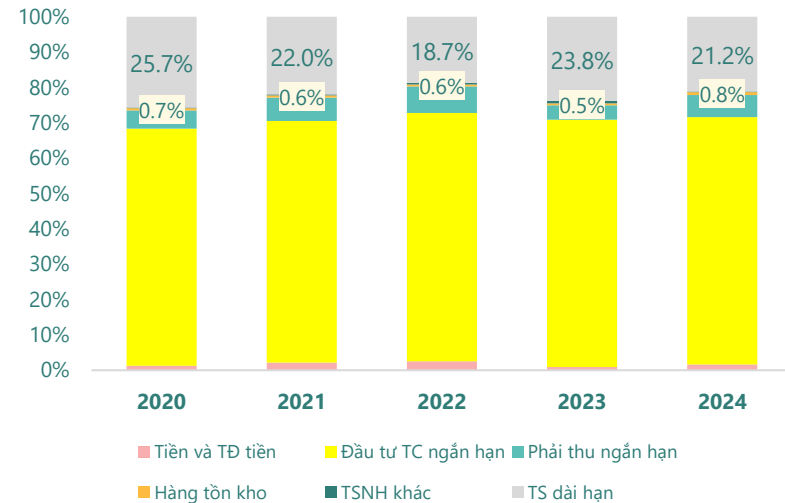
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

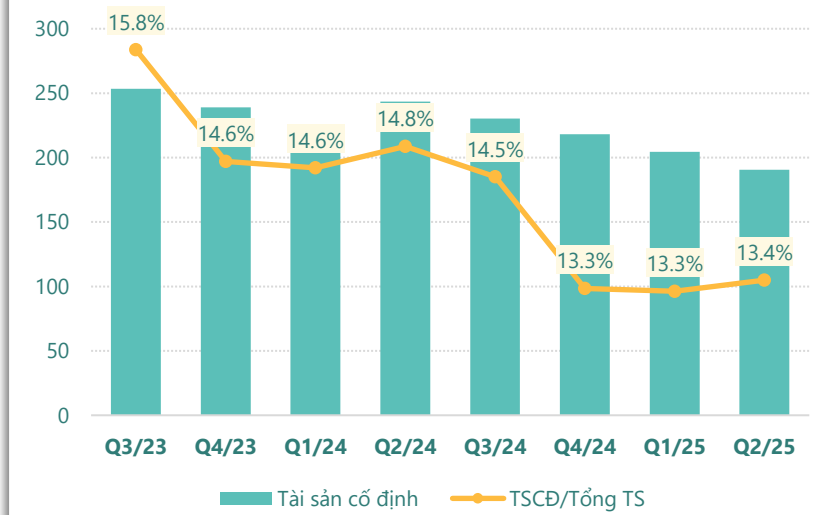
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

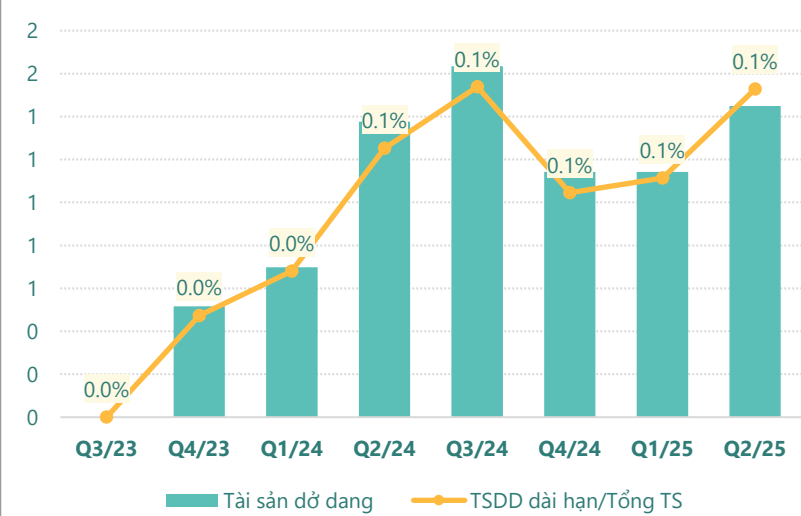
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

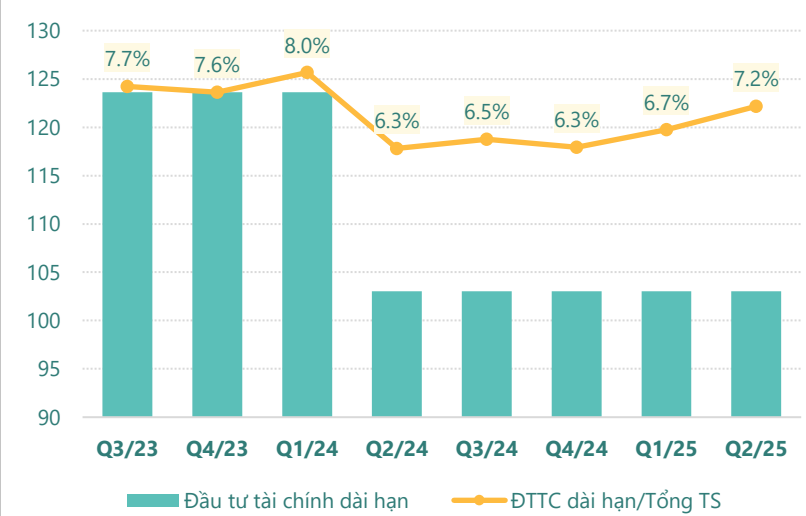
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

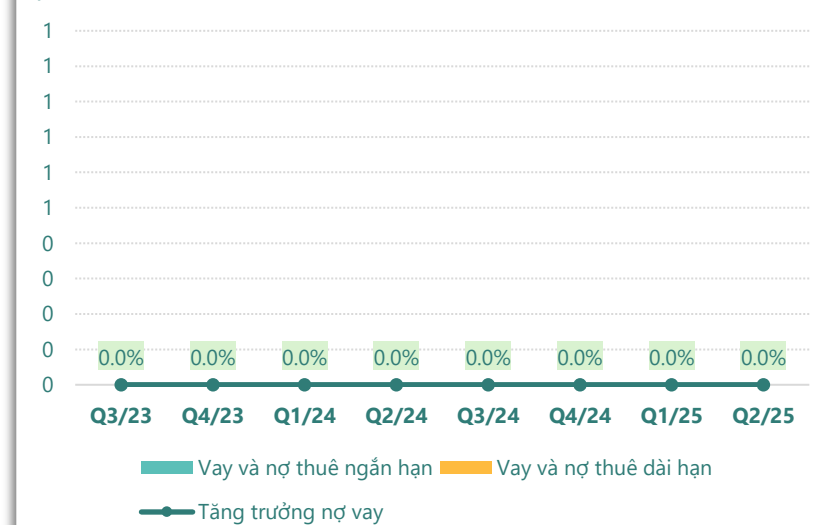
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

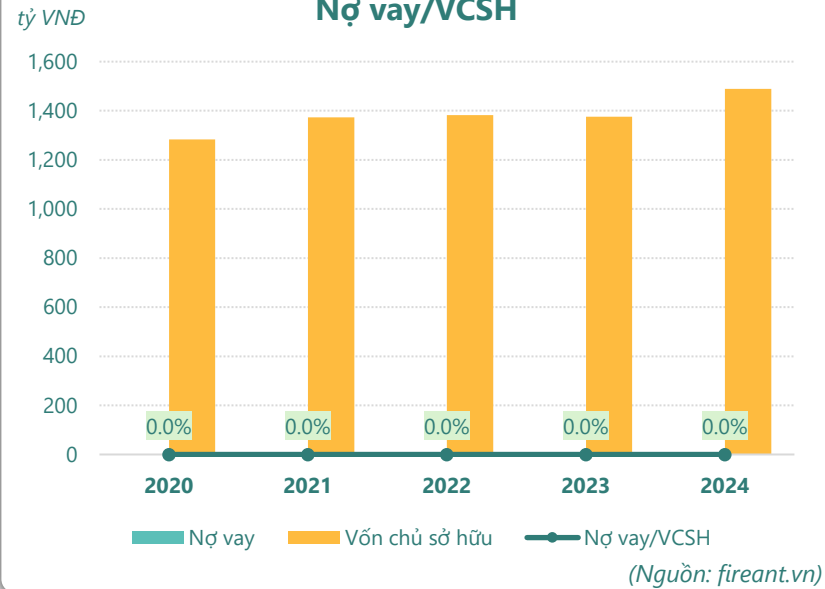
tỷ VNĐ



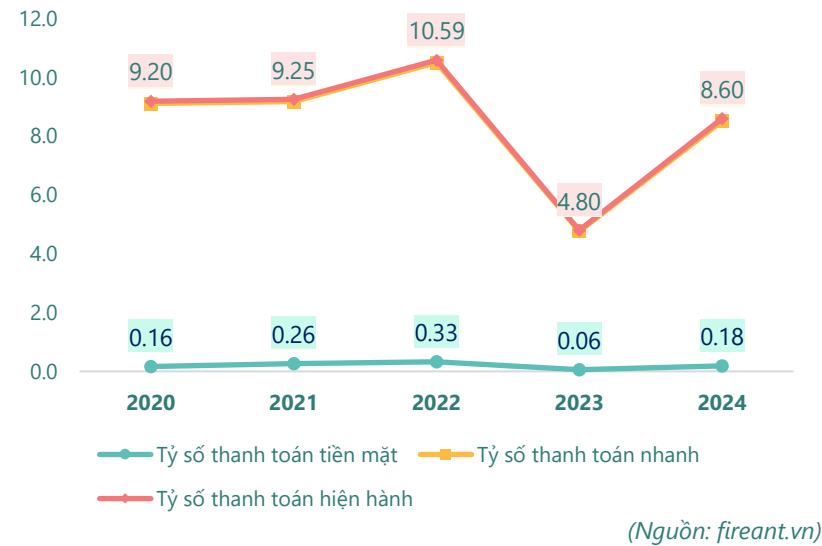
(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

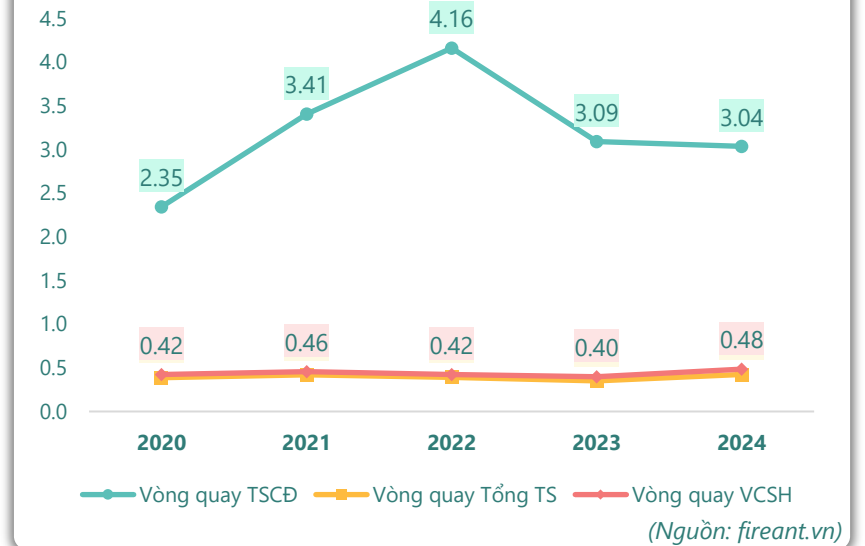
Nợ vay/VCSH



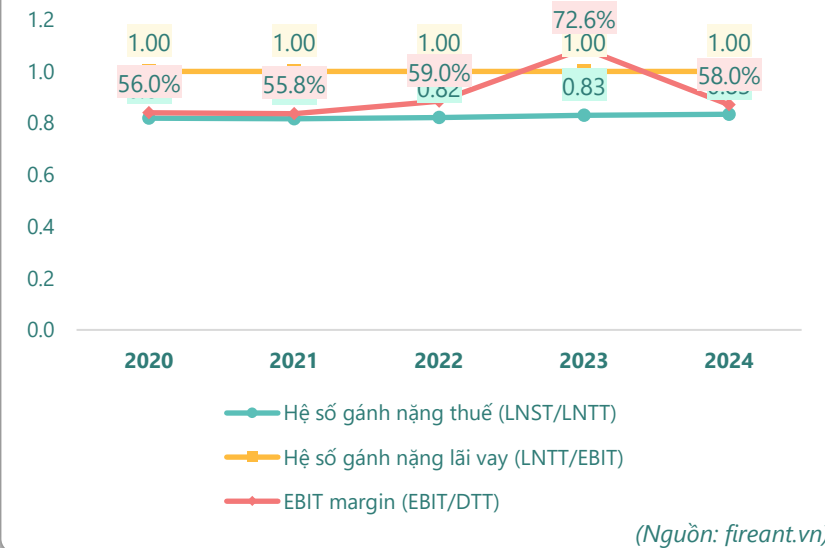
Chỉ số thanh khoản



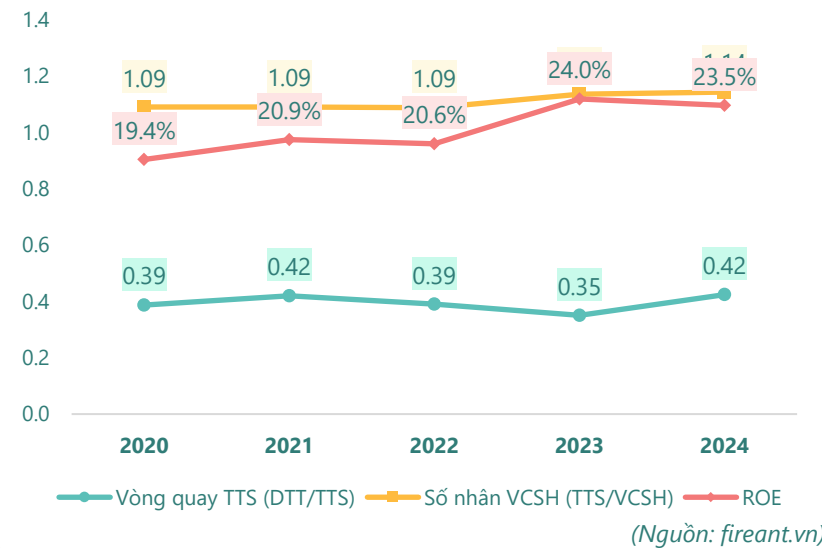
Vòng quay tài sản



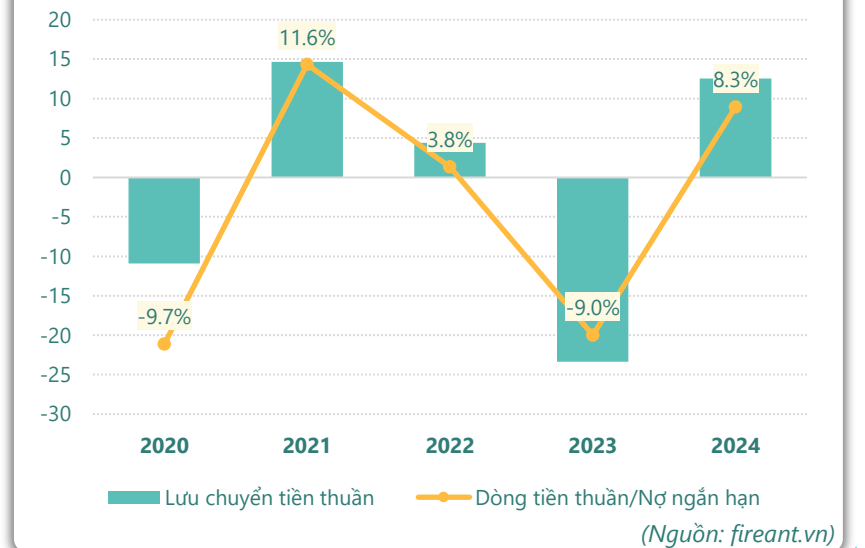
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tài sản và ROE



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	148	190	-22.0%	307	342	-10.2%
Giá vốn hàng bán	62.8	99.5	-36.9%	132	167	-21.2%
Lợi nhuận gộp	85.4	90.9	-6.0%	175	175	0.3%
Doanh thu HĐTC	10.6	13.9	-23.6%	16.8	19.4	-13.4%
Chi phí TC	0	0.01	-100%	0	0.01	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.27	0.00		0.27	0	
Chi phí QLDN	11.5	19.1	-39.8%	27.2	32.2	-15.7%
LN thuần từ HĐKD	84.3	85.7	-1.7%	165	162	1.7%
Lợi nhuận khác	0.01	20.6	-100.0%	0.11	20.6	-99.5%
LN trước thuế	84.3	106	-20.5%	165	182	-9.7%
Lợi nhuận sau thuế	67.4	85.0	-20.7%	132	146	-9.8%
LNST của CĐ cty mẹ	67.4	85.0	-20.7%	132	146	-9.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.43	90.9	59.1	48.9	25.6	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	124	-83.7	106	-46.0	118	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-99.2	-0.78	-180	0	-120	0
Tiền đầu kỳ	14.6	32.0	39.0	23.8	27.3	0
Lưu chuyển tiền thuần	17.9	6.41	-14.6	2.83	23.8	0
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.49	0.61	-0.61	0.61	0.01	0
Tiền cuối kỳ	32.0	39.0	23.8	27.3	51.0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,423	1,639	-13.2%
Tài sản ngắn hạn	1,103	1,292	-14.6%
Tiền và tương đương tiền	17.1	27.3	-37.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,027	1,147	-10.5%
Phải thu ngắn hạn	46.6	102	-54.5%
Hàng tồn kho	10.6	13.1	-19.6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.82	1.99	-8.4%
Tài sản dài hạn	320	347	-8.0%
Phải thu dài hạn	0.08	0.09	-16.1%
Tài sản cố định	191	218	-12.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.45	1.14	27.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	103	103	0.0%
Tài sản dài hạn khác	24.5	24.9	-1.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	164	150	9.0%
Nợ ngắn hạn	164	150	9.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	13.3	14.4	-8.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,259	1,489	-15.4%
Vốn chủ sở hữu	1,259	1,489	-15.4%
Vốn điều lệ	400	400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

